VAI TRÒ CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO SINH VIÊN

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 08/11/2025. Sửa chữa xong 20/12/2025. Duyệt đăng 28/12/2025.

Abstract

In recent years, digital transformation has emerged as a dominant trend with profound impacts on higher education worldwide. This article analyzes the role of digital transformation in shaping and developing the key components of lifelong learning competencies among university students. Based on theoretical research, empirical findings, and an examination of the effects and implications of digital transformation, the author proposes several measures to enhance its effectiveness in higher education. These solutions aim to promote digital transformation as a driving force in fostering lifelong learning competencies for students in the contemporary educational context.

Keywords: *Digital transformation, higher education, lifelong learning, lifelong learning competencies, students.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và thị trường lao động biến đổi nhanh dưới tác động của khoa học - công nghệ và chuyển đổi số (CĐS), quan niệm "học một lần cho cả đời" đã bộc lộ nhiều hạn chế. Thay vào đó, học tập suốt đời trở thành yêu cầu tất yếu đối với mỗi cá nhân nhằm duy trì năng lực thích ứng, cập nhật tri thức và phát triển nghề nghiệp bền vững. UNESCO khẳng định học tập suốt đời là một quá trình liên tục, diễn ra trong suốt vòng đời con người, bao gồm học tập chính quy, không chính quy và phi chính quy, đóng vai trò then chốt trong phát triển cá nhân và xã hội [20]. Trong bối cảnh hậu đại dịch và chuyển dịch số toàn cầu, UNESCO tiếp tục nhấn mạnh học tập suốt đời như một trụ cột để tái cấu trúc hệ thống giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong tương lai [21]. Đối với giáo dục đại học, yêu cầu phát triển năng lực học tập suốt đời cho sinh viên (SV) ngày càng trở nên cấp thiết. SV không chỉ cần được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn phải có khả năng tự học, tự định hướng, tự cập nhật tri thức và kỹ năng mới sau khi tốt nghiệp. Khung năng lực then chốt của Liên minh châu Âu đã xác định "năng lực cá nhân, xã hội và học cách học" cùng với "năng lực số" là những năng lực cốt lõi cần được hình thành thông qua giáo dục, nhằm giúp người học duy trì khả năng học tập liên tục trong suốt cuộc đời [7]. Điều này cho thấy học tập suốt đời không phải là hoạt động tự phát mà cần được nuôi dưỡng có hệ thống ngay trong quá trình đào tạo đại học.

Những năm gần đây, CĐS đã trở thành xu hướng chủ đạo, tác động sâu rộng đến giáo dục đại học trên phạm vi toàn cầu. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy CĐS không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục mà còn làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức dạy - học, quản trị đào tạo và hỗ trợ người học [11]. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), công nghệ số có tiềm năng cải thiện kết quả học tập và hỗ trợ người học phát triển kỹ năng học tập độc lập, nhưng hiệu quả chỉ đạt được khi công nghệ được tích hợp phù hợp với mục tiêu sư phạm và năng lực người học [11]. Nhận định này gợi mở rằng CĐS và học tập suốt đời có mối quan hệ chặt chẽ, song không mang tính tự động hay tuyến tính.

Tại Việt Nam, CĐS đã được xác định là một định hướng chiến lược ở tầm quốc gia. Chương trình CĐS

Email: phuongthao@gmail.com

quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhấn mạnh vai trò của giáo dục và đào tạo trong việc hình thành nguồn nhân lực thích ứng với nền kinh tế số [2]. Tiếp đó, Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 tiếp tục khẳng định yêu cầu đổi mới phương thức dạy - học, quản lý giáo dục trên nền tảng số [4]. Song song với đó, Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" đã nhấn mạnh học tập suốt đời là mục tiêu xuyên suốt của hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt trong điều kiện phát triển kinh tế số và xã hội số [3]. Thực tế nhiều cơ sở đào tạo đã từng bước triển khai các hoạt động CĐS như xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến, số hóa học liệu, tổ chức dạy học trực tuyến và học tập kết hợp. Tuy nhiên, mức độ triển khai CĐS giữa các trường còn chưa đồng đều, chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ thuật, trong khi tác động đối với việc phát triển năng lực học tập suốt đời của SV chưa được đánh giá đầy đủ [10], [15]. Một số phân tích cũng cho thấy CĐS trong giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến hạ tầng, năng lực số của đội ngũ giảng viên (GV) và SV cũng như sự thiếu đồng bộ trong chiến lược triển khai [14]. Đáng chú ý, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá mức độ CĐS của cơ sở giáo dục đại học nhằm chuẩn hóa và thúc đẩy quá trình CĐS trong toàn hệ thống [1]. Tuy nhiên, Bộ chỉ số này mới tập trung nhiều vào khía cạnh quản trị, hạ tầng và ứng dụng công nghệ, trong khi việc đánh giá tác động của CĐS đối với năng lực học tập suốt đời của SV vẫn còn là vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp cận CĐS không chỉ từ góc độ công nghệ mà còn từ góc độ phát triển năng lực người học.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc nghiên cứu vai trò của CĐS đối với phát triển năng lực học tập suốt đời cho SV có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn: không chỉ góp phần làm rõ cơ chế tác động của CĐS đến năng lực người học mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc định hướng và tổ chức CĐS trong giáo dục đại học theo mục tiêu xây dựng xã hội học tập và phát triển bền vững nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Trong bối cảnh xã hội tri thức và kỷ nguyên số, CĐS được xem là một quá trình mang tính hệ thống, không chỉ liên quan đến việc ứng dụng công nghệ mới mà còn bao hàm sự thay đổi toàn diện về mô hình tổ chức, phương thức vận hành và tư duy phát triển của các tổ chức. Trong lĩnh vực giáo dục, CĐS được hiểu là quá trình tích hợp công nghệ số vào mọi hoạt động của hệ thống giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng dạy - học và trải nghiệm của người học. CĐS trong giáo dục không đồng nhất với dạy học trực tuyến, mà là một quá trình đổi mới căn bản, toàn diện cả về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và quản trị giáo dục [11], [13].

CĐS được triển khai trên nhiều phương diện trong giáo dục đại học, như: số hóa dữ liệu và học liệu, ứng dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến, đổi mới phương pháp giảng dạy trên nền tảng số và sử dụng dữ liệu học tập để hỗ trợ người học. CĐS được xem là động lực quan trọng giúp các trường đại học nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục và tăng tính linh hoạt của quá trình học tập [10], [15]. Tuy nhiên, hiệu quả của CĐS phụ thuộc lớn vào cách thức triển khai và mức độ gắn kết giữa công nghệ với mục tiêu giáo dục, đặc biệt là mục tiêu phát triển năng lực người học.

Một trong những cơ sở lý luận quan trọng để lý giải tác động của CĐS trong giáo dục là quan điểm cho rằng công nghệ chỉ phát huy hiệu quả khi được tích hợp phù hợp với chiến lược sư phạm. OECD chỉ ra rằng việc sử dụng máy tính và công nghệ số trong giáo dục không tự động cải thiện kết quả học tập mà hiệu quả phụ thuộc vào năng lực của người dạy, người học và cách thức tổ chức hoạt động học tập [11]. Nhận định này cho thấy CĐS cần được tiếp cận như một quá trình đổi mới giáo dục toàn diện, trong đó công nghệ đóng vai trò công cụ hỗ trợ cho mục tiêu phát triển năng lực chứ không phải là mục tiêu tự thân.

Song song với CĐS, học tập suốt đời là một khái niệm trung tâm trong các lý luận giáo dục hiện đại. UNESCO xác định học tập suốt đời là quá trình học tập liên tục diễn ra trong suốt vòng đời con người, bao gồm mọi hình thức học tập chính quy, không chính quy và phi chính quy, nhằm phát triển tri thức,

kỹ năng, giá trị và năng lực cá nhân [20]. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến động nhanh của khoa học - công nghệ, học tập suốt đời được xem là nền tảng để cá nhân duy trì khả năng thích ứng và phát triển bền vững [21].

Từ góc độ giáo dục đại học, học tập suốt đời không chỉ là mục tiêu sau tốt nghiệp mà cần được hình thành ngay trong quá trình đào tạo. Nhiều nghiên cứu cho rằng SV cần được trang bị năng lực tự học, tự định hướng, tự điều chỉnh việc học và duy trì động cơ học tập lâu dài để có thể tiếp tục học tập hiệu quả trong suốt sự nghiệp [13]. Khung năng lực then chốt của Liên minh châu Âu đã xác định "năng lực học cách học" và "năng lực số" là hai năng lực có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ học tập suốt đời, nhấn mạnh khả năng quản lý quá trình học tập, đánh giá thông tin và sử dụng công nghệ một cách hiệu quả [7].

Năng lực học tập suốt đời của SV có thể được hiểu là tổ hợp các năng lực và phẩm chất cho phép người học chủ động, tự giác và bền bỉ trong việc học tập, bao gồm năng lực tự học, năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin, năng lực số, năng lực phản tư và động cơ học tập lâu dài. Các nghiên cứu trong nước chỉ ra rằng năng lực học tập suốt đời không hình thành tự nhiên mà cần được nuôi dưỡng thông qua môi trường học tập phù hợp, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và cơ chế hỗ trợ học tập liên tục [5].

Trong mối quan hệ với học tập suốt đời, CĐS được xem là yếu tố tạo điều kiện và chất xúc tác quan trọng. Các nền tảng học tập số, học liệu mở, khóa học trực tuyến và cộng đồng học tập trực tuyến giúp mở rộng không gian và thời gian học tập, cho phép người học tiếp cận tri thức một cách linh hoạt và cá nhân hóa hơn. Theo các nghiên cứu của các tổ chức giáo dục đại học châu Âu, CĐS góp phần thúc đẩy mô hình "đại học không biên giới", trong đó người học có thể học tập liên tục, xuyên suốt và gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp [8].

Ở Việt Nam, các quan điểm lý luận về học tập suốt đời và CĐS đã được thể chế hóa trong nhiều văn bản chính sách. Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" nhấn mạnh vai trò của giáo dục đại học trong việc hình thành năng lực học tập suốt đời cho người học, đặc biệt trong điều kiện CĐS mạnh mẽ [3]. Đồng thời, các chính sách về CĐS trong giáo dục và đào tạo cũng xác định mục tiêu đổi mới phương thức dạy - học, tăng cường ứng dụng công nghệ để hỗ trợ học tập linh hoạt và cá nhân hóa [2], [4].

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa CĐS và học tập suốt đời không mang tính tự động. Nếu CĐS chỉ dừng lại ở việc số hóa nội dung và công cụ dạy học mà không thay đổi cách tiếp cận sư phạm và mục tiêu đào tạo thì tác động đối với năng lực học tập suốt đời của SV sẽ rất hạn chế [11], [19]. Do đó, về mặt lý luận, cần tiếp cận CĐS như một quá trình gắn kết chặt chẽ giữa công nghệ, sư phạm và mục tiêu phát triển năng lực người học.

2.2. Chuyển đổi số và năng lực học tập suốt đời của sinh viên

Trong những năm gần đây, CĐS trong giáo dục đại học Việt Nam đã được triển khai mạnh mẽ dưới tác động của các chủ trương, chính sách cấp quốc gia và yêu cầu thực tiễn từ quá trình hội nhập quốc tế. CĐS được xem là một trong những động lực quan trọng nhằm đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế số [2], [10]. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy mức độ và hiệu quả CĐS giữa các cơ sở giáo dục đại học còn có sự khác biệt đáng kể, kéo theo những tác động không đồng đều đến việc phát triển năng lực học tập suốt đời của SV.

Về phương diện CĐS trong giáo dục đại học, nhiều trường đã bước đầu triển khai các hoạt động số hóa như xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến, số hóa học liệu, tổ chức dạy học trực tuyến và học tập kết hợp. Các nền tảng học tập số giúp SV tiếp cận tài liệu học tập, tham gia thảo luận và thực hiện các hoạt động học tập ngoài không gian lớp học truyền thống, qua đó mở rộng thời gian và không gian học tập [10]. Những chuyển biến này được đánh giá là đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các hình thức học tập linh hoạt và chủ động hơn.

Tuy nhiên, CĐS trong giáo dục đại học Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ

thuật và công nghệ, trong khi đổi mới sư phạm và phát triển năng lực người học chưa được chú trọng tương xứng [15], [19]. Ở một số cơ sở, việc triển khai CĐS mới dừng lại ở mức số hóa bài giảng hoặc thay thế hình thức dạy học trực tiếp bằng trực tuyến, chưa thực sự tạo ra môi trường học tập số hỗ trợ SV phát triển năng lực tự học và học tập suốt đời. Điều này dẫn đến khoảng cách giữa mục tiêu CĐS và hiệu quả thực tế đạt được.

Một trong những hạn chế lớn trong thực trạng CĐS là sự chênh lệch về hạ tầng công nghệ và nguồn lực đầu tư giữa các cơ sở giáo dục đại học. Trong khi các trường lớn ở đô thị có điều kiện đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại và kho học liệu số phong phú, nhiều trường ở địa phương hoặc quy mô nhỏ gặp khó khăn trong việc bảo đảm đường truyền, thiết bị và nền tảng học tập số ổn định [12]. Sự chênh lệch này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội tiếp cận môi trường học tập số của SV và làm gia tăng bất bình đẳng trong phát triển năng lực học tập suốt đời.

Bên cạnh đó, năng lực số của đội ngũ GV và cán bộ quản lý cũng là yếu tố ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả CĐS. Nhiều GV mới chỉ sử dụng công nghệ số ở mức cơ bản, chủ yếu phục vụ cho việc truyền đạt nội dung, trong khi kỹ năng thiết kế hoạt động học tập số, tổ chức tương tác trực tuyến và khai thác dữ liệu học tập còn hạn chế [19]. Việc thiếu năng lực sư phạm số khiến môi trường học tập số chưa thực sự phát huy được vai trò hỗ trợ SV tự học và học tập liên tục.

Song song với thực trạng CĐS, năng lực học tập suốt đời của SV cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Mặc dù SV ngày nay có khả năng tiếp cận công nghệ và Internet từ sớm, song không phải tất cả đều có kỹ năng và thói quen học tập phù hợp với yêu cầu học tập suốt đời. Nhiều SV còn thiếu năng lực tự định hướng, lập kế hoạch học tập dài hạn và duy trì động cơ học tập sau khi hoàn thành các yêu cầu học tập trước mắt [10], [13]. Một thực tế phổ biến là SV chủ yếu sử dụng công nghệ số để phục vụ việc hoàn thành nhiệm vụ học tập trong ngắn hạn, như tra cứu tài liệu, nộp bài hoặc tham gia lớp học trực tuyến, trong khi việc khai thác các nguồn học liệu mở, khóa học trực tuyến mở và cộng đồng học tập chuyên môn vẫn còn hạn chế [10]. Điều này cho thấy tiềm năng của môi trường học tập số đối với học tập suốt đời chưa được khai thác hiệu quả do thiếu định hướng và kỹ năng học tập phù hợp.

Mối quan hệ giữa CĐS và năng lực học tập suốt đời của SV cũng chưa thực sự chặt chẽ trong thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam [14]. Trong khi CĐS tạo ra nhiều công cụ và môi trường học tập mới, SV chưa được trang bị đầy đủ năng lực để tự điều chỉnh việc học, đánh giá tiến trình học tập cá nhân và sử dụng công nghệ như một phương tiện học tập lâu dài. Điều này làm giảm tác động tích cực của CĐS đối với việc hình thành thói quen học tập suốt đời.

Một số mô hình học tập mới như học tập kết hợp, học tập dựa trên dự án và học tập trải nghiệm đã được triển khai ở một số trường đại học, bước đầu góp phần nâng cao tính chủ động và trách nhiệm học tập của SV [15]. Tuy nhiên, các mô hình này chưa được triển khai rộng rãi và chưa gắn kết chặt chẽ với hệ thống học tập số để hỗ trợ SV theo dõi, đánh giá và điều chỉnh quá trình học tập của bản thân. Việc thiếu các công cụ số hóa phục vụ quản lý tiến trình học tập cá nhân khiến năng lực học tập suốt đời của SV khó được phát triển một cách bền vững.

Từ góc độ chính sách, mặc dù các văn bản như Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" đã nhấn mạnh vai trò của học tập suốt đời trong bối cảnh CĐS [3], song việc hiện thực hóa mục tiêu này ở cấp cơ sở giáo dục đại học vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Sự thiếu đồng bộ giữa chính sách, chiến lược CĐS của nhà trường và thực tiễn tổ chức dạy - học khiến năng lực học tập suốt đời của SV chưa được đặt đúng vị trí trung tâm trong quá trình CĐS.

2.3. Vai trò của chuyển đổi số trong phát triển năng lực học tập suốt đời cho sinh viên

Hiện nay, giáo dục đại học đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình truyền thụ tri thức sang mô hình phát triển năng lực. Trong quá trình đó, CĐS được xem là động lực quan trọng thúc đẩy việc hình thành và phát triển năng lực học tập suốt đời của SV. Thông qua việc tái cấu trúc môi trường học tập, phương thức tổ chức dạy - học và cách thức hỗ trợ người học, CĐS góp phần thay đổi vai trò của SV từ người tiếp nhận thụ động sang chủ thể tích cực, tự định hướng và tự chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của mình [10], [11].

Trước hết, CĐS có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực tự học và tự định hướng học tập của SV. Môi trường học tập số cho phép SV chủ động lựa chọn thời gian, không gian và nhịp độ học tập phù hợp với khả năng và nhu cầu cá nhân. Các hệ thống quản lý học tập trực tuyến, học liệu số và nền tảng học tập mở tạo điều kiện để SV tiếp cận tri thức vượt ra ngoài khuôn khổ chương trình chính khóa. Khi quá trình học tập không còn phụ thuộc hoàn toàn vào lịch học cố định và sự hướng dẫn trực tiếp của GV, SV buộc phải phát triển năng lực lập kế hoạch, tự quản lý và tự đánh giá việc học, đây là những thành tố cốt lõi của năng lực học tập suốt đời [7], [13].

Bên cạnh đó, CĐS góp phần nâng cao năng lực tiếp cận, xử lý và đánh giá thông tin của SV trong bối cảnh tri thức phát triển nhanh và đa dạng. Môi trường số đặt SV trước khối lượng thông tin lớn, đa chiều và không đồng nhất về độ tin cậy, đòi hỏi người học phải có khả năng tìm kiếm, phân tích, chọn lọc và sử dụng thông tin một cách có phê phán. Các hình thức học tập số như học tập dựa trên dự án, học tập qua nghiên cứu tình huống và học tập hợp tác trực tuyến giúp SV rèn luyện các kỹ năng này một cách thường xuyên, từ đó hình thành năng lực học hỏi độc lập và thích ứng lâu dài với sự biến đổi của tri thức [5] [11].

Chuyển đổi số cũng giữ vai trò nền tảng trong việc phát triển năng lực số của SV, yếu tố không thể tách rời của năng lực học tập suốt đời trong xã hội số. Thông qua việc thường xuyên sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, công cụ cộng tác số và học liệu mở, SV được rèn luyện khả năng sử dụng công nghệ phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp. Các nghiên cứu chỉ ra rằng năng lực số có mối quan hệ chặt chẽ với khả năng học tập liên tục, bởi công nghệ số chính là phương tiện chủ yếu để cá nhân tiếp cận tri thức, cập nhật kỹ năng và tham gia cộng đồng học tập trong suốt vòng đời [7], [14].

Một vai trò quan trọng khác của CĐS là hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập, qua đó nâng cao năng lực tự điều chỉnh và tự đánh giá của SV. Các nền tảng học tập số cho phép thu thập và phân tích dữ liệu học tập, cung cấp phản hồi kịp thời về tiến độ, mức độ hoàn thành và những điểm cần cải thiện của người học. Khi SV có thể theo dõi tiến trình học tập của bản thân và nhận được phản hồi thường xuyên, họ sẽ hình thành kỹ năng tự điều chỉnh, tự cải thiện chiến lược học tập - những năng lực cần thiết để duy trì việc học tập hiệu quả trong suốt cuộc đời [8] [11].

Chuyển đổi số cũng góp phần tăng cường động cơ và hứng thú học tập suốt đời cho SV thông qua việc đổi mới hình thức và phương pháp tổ chức học tập. Việc tích hợp đa dạng các phương tiện số như video, mô phỏng, diễn đàn thảo luận và các công cụ tương tác giúp nâng cao trải nghiệm học tập, làm cho quá trình học trở nên linh hoạt và hấp dẫn hơn. Khi SV nhận thức rõ giá trị và tính hữu ích của việc học trong môi trường số, động cơ học tập nội tại được củng cố, từ đó hình thành thái độ tích cực đối với học tập liên tục và tự học sau khi tốt nghiệp [13], [21].

Ngoài ra, CĐS còn mở rộng không gian và cộng đồng học tập, tạo điều kiện để SV phát triển năng lực học tập suốt đời thông qua tương tác xã hội và học tập hợp tác. Các cộng đồng học tập trực tuyến, mạng xã hội chuyên môn và nền tảng học tập mở cho phép SV kết nối với GV, chuyên gia và người học khác trong và ngoài nước. Việc tham gia các cộng đồng này giúp SV cập nhật tri thức mới, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn và hình thành thói quen học tập liên tục trong môi trường xã hội mở, phù hợp với định hướng xây dựng xã hội học tập trong kỷ nguyên số [3], [8].

Tuy nhiên, vai trò tích cực của CĐS đối với năng lực học tập suốt đời không mang tính tự động. Nếu CĐS chỉ dừng lại ở việc số hóa bài giảng hoặc thay đổi hình thức tổ chức lớp học mà không gắn với mục tiêu phát triển năng lực tự học và tư duy phản biện, thì tác động đối với học tập suốt đời sẽ rất hạn chế [11], [14]. Do đó, CĐS cần được triển khai đồng bộ với đổi mới sư phạm và định hướng phát triển năng lực người học.

2.4. Giải pháp phát huy vai trò của chuyển đổi số trong phát triển năng lực học tập suốt đời cho sinh viên

Trước những yêu cầu ngày càng cao của xã hội số và thực trạng CĐS trong giáo dục đại học hiện nay, việc phát huy vai trò của CĐS đối với phát triển năng lực học tập suốt đời cho SV cần được tiếp cận một cách hệ thống và đồng bộ. Các giải pháp không chỉ tập trung vào công nghệ, mà phải gắn chặt với

đổi mới sư phạm, quản trị giáo dục và phát triển con người. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm sau đây:

2.4.1. Hoàn thiện chiến lược và thể chế CĐS trong giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực học tập suốt đời cho SV. CĐS chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được dẫn dắt bởi một chiến lược rõ ràng, nhất quán và dài hạn ở cấp cơ sở giáo dục đại học. Do đó, các trường cần xây dựng và cập nhật chiến lược CĐS gắn trực tiếp với mục tiêu đào tạo con người học tập suốt đời thay vì chỉ nhấn mạnh vào hiện đại hóa công nghệ. Chiến lược này cần xác định rõ vai trò của học tập suốt đời trong chuẩn đầu ra, trong thiết kế chương trình đào tạo và trong hệ thống bảo đảm chất lượng. Đồng thời, cần hoàn thiện các quy định, quy chế nội bộ liên quan đến tổ chức dạy - học số, công nhận kết quả học tập trực tuyến, học tập không chính quy và học tập mở, qua đó tạo hành lang pháp lý thuận lợi để SV chủ động tích lũy tri thức và kỹ năng trong suốt quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp.

2.4.2. Đầu tư và phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng học tập và hệ sinh thái học liệu mở phục vụ học tập suốt đời. Hạ tầng công nghệ và tài nguyên số là điều kiện vật chất nền tảng để CĐS thực sự hỗ trợ phát triển năng lực học tập suốt đời. Các trường đại học cần đầu tư nâng cấp hệ thống mạng, máy chủ, nền tảng quản lý học tập và các công cụ hỗ trợ dạy - học trực tuyến theo hướng ổn định, an toàn và dễ sử dụng. Quan trọng hơn, cần xây dựng hệ sinh thái học liệu số và học liệu mở phong phú, đa dạng, cho phép SV tiếp cận tri thức không chỉ trong chương trình chính khóa mà còn ngoài phạm vi môn học. Khi SV có điều kiện truy cập nguồn học liệu mở chất lượng cao và được khuyến khích khai thác chúng, năng lực tự học, tự bồi dưỡng và học tập liên tục sẽ được củng cố một cách bền vững.

2.4.3. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá theo hướng số hóa, lấy người học làm trung tâm và thúc đẩy tự học. CĐS chỉ phát huy vai trò đối với học tập suốt đời khi đi kèm với đổi mới sư phạm. Các trường đại học cần chuyển từ mô hình dạy học truyền thụ kiến thức đơn thuần sang các phương pháp dạy học tích cực như học tập dựa trên dự án, học tập trải nghiệm, học tập giải quyết vấn đề và học tập kết hợp. Trong môi trường số, GV không chỉ truyền đạt nội dung mà đóng vai trò thiết kế hoạt động học tập, hướng dẫn và hỗ trợ SV tự khám phá tri thức. Đồng thời, hệ thống đánh giá cần được đổi mới theo hướng đánh giá quá trình, đánh giá năng lực và phản hồi liên tục, giúp SV tự theo dõi, tự điều chỉnh và tự cải thiện việc học. Cách tiếp cận này góp phần hình thành kỹ năng tự học, tự đánh giá - những năng lực cốt lõi của học tập suốt đời.

2.4.4. Phát triển năng lực số và năng lực sư phạm số cho đội ngũ GV và cán bộ quản lý giáo dục. GV và cán bộ quản lý giữ vai trò quyết định trong việc biến CĐS thành động lực phát triển năng lực học tập suốt đời cho SV. Do đó, các trường đại học cần chú trọng bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng thiết kế học liệu số, kỹ năng tổ chức và quản lý hoạt động học tập trong môi trường số cho đội ngũ này. Việc đào tạo không chỉ dừng lại ở kỹ năng sử dụng công cụ mà cần hướng tới thay đổi tư duy sư phạm, từ dạy học định hướng nội dung sang dạy học định hướng năng lực và hỗ trợ học tập suốt đời. Khi GV làm chủ công nghệ và phương pháp sư phạm số, họ sẽ trở thành người dẫn dắt, truyền cảm hứng và hỗ trợ SV hình thành thói quen học tập liên tục trong và ngoài nhà trường.

2.4.5. Nâng cao năng lực số, năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời cho SV thông qua các chương trình hỗ trợ có hệ thống. SV là chủ thể trung tâm của quá trình học tập suốt đời, nhưng năng lực này không thể hình thành một cách tự phát nếu thiếu sự định hướng và hỗ trợ phù hợp. Các trường đại học cần tổ chức các học phần, khóa học hoặc chương trình bồi dưỡng về kỹ năng học tập đại học, kỹ năng học tập số, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng tự định hướng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, cần khuyến khích SV tham gia các khóa học trực tuyến mở, các cộng đồng học tập chuyên môn và hoạt động học tập ngoài chương trình chính khóa. Khi SV nhận thức rõ vai trò của học tập suốt đời đối với phát triển cá nhân và nghề nghiệp, họ sẽ chủ động hơn trong việc khai thác môi trường học tập số để học tập liên tục.

3. Kết luận

Chuyển đổi số đã và đang diễn ra sâu rộng và tác động toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, giáo dục đại học cũng đang đứng trước yêu cầu đổi mới căn bản nhằm đáp ứng mục tiêu

phát triển nguồn nhân lực có khả năng thích ứng linh hoạt và học tập liên tục. CĐS không chỉ là xu hướng công nghệ mà còn là một quá trình chuyển biến về tư duy giáo dục, phương thức tổ chức dạy - học và cách thức hỗ trợ người học, trong đó phát triển năng lực học tập suốt đời cho SV giữ vai trò trung tâm. CĐS thông qua việc tái cấu trúc môi trường học tập, mở rộng không gian học tập và đa dạng hóa hình thức tiếp cận tri thức, đã và đang tạo điều kiện thuận lợi để các thành tố này được hình thành và phát triển. Tuy nhiên, CĐS chỉ thực sự có ý nghĩa đối với phát triển năng lực học tập suốt đời khi được nhìn nhận như một quá trình đổi mới giáo dục toàn diện, lấy người học làm trung tâm và hướng tới mục tiêu hình thành con người học tập suốt đời. Trong bối cảnh xây dựng xã hội học tập và nền kinh tế tri thức, việc gắn kết chặt chẽ CĐS với mục tiêu học tập suốt đời không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là định hướng phát triển bền vững của giáo dục đại học Việt Nam trong dài hạn.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục đại học,* Hà Nội.

[2] Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

[3] Chính phủ (2021). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021–2030",* Hà Nội.

[4] Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

[5] Đặng Thị Minh (2021). *Xây dựng xã hội học tập trong bối cảnh chuyển đổi số.* Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 356. https://doi.org/10.59394/qlnn.356.2025.1289.

[6] Đặng Thu Trang (2022). *Chuyển đổi số với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Tạp chí điện tử Lý luận chính trị. Nguồn: https://lyluanchinhtri.vn/chuyen-doi-so-voi-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao-6969.html, truy cập ngày 10/12/2025.

[7] European Commission (2019). *Key competences for lifelong learning.* Luxembourg: Publications Office of the European Union. https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/297a33c8-a1f3-11e9-9d01-01aa75ed71a1.

[8] European University Association (EUA) (2021). *Universities without walls: A vision for 2030.* Brussels. https://eua.eu/resources/publications/957-universities-without-walls-a-vision-for-2030.html.

[9] Giáo dục và Thời đại (2022). *Chuyển đổi số trong giáo dục không phải chỉ là dạy học trực tuyến*. Nguồn: https://giaoducthoidai.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-khong-phai-day-hoc-tu-xa-post600440.html, truy cập ngày 10/12/2025.

[10] Hoàng Hồng Nhung (2023). *Nâng cao kỹ năng số cho sinh viên trong thời kỳ đẩy mạnh chuyển đổi số hiện nay.* Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động. Nguồn: https://tcnnld.vn/news/detail/68803, truy cập ngày 10/12/2025.

[11] Hoàng Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Huấn (2023). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Nguồn: https://kinhtevadubao.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-30674.html, truy cập ngày 10/12/2025.

[12] Học viện Cảnh sát nhân dân (2022). *Giáo dục Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số: Thực trạng, thách thức và giải pháp đột phá.* Nguồn: https://hvcsnd.edu.vn/giao-duc-viet-nam-thoi-ky-chuyen-doi-so-thuc-trang-thach-thuc-va-giai-phap-dot-pha-12846, truy cập ngày 10/12/2025.

[13] Hội Khuyến học Việt Nam (2023). *Học tập suốt đời trong kỷ nguyên số*. Nguồn: https://hoikhuyenhoc.vn/hoc-tap-suot-doi-trong-ky-nguyen-moi.html, truy cập ngày 10/12/2025.

[14] Nguyễn Đức Vượng, Phan Trọng Tiến (2024). *Năng lực số và kỹ năng học tập suốt đời trong kỷ nguyên số: Nghiên cứu tiếp cận từ thực tiễn giáo dục.* Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số đặc biệt 7A, tháng 10, https://doi.org/10.59266/houjs.2025.830.

[15] Nguyễn Kim Chi, Phan Thị Cúc, Vũ Cẩm Nhung (2022). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam: Trường hợp giáo dục đại học cho một số chuyên ngành lĩnh vực kinh tế.* Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, số chuyên đề tháng 6, https://doi.org/10.59294/HIUJS.CDS.2023.371.

[16] OECD (2015). *Students, computers and learning: Making the connection*. Paris: OECD Publishing. https://www.oecd.org/education/students-computers-and-learning-9789264239555-en.htm.

[17] OU.edu.vn (2022). *Hội thảo quốc gia chuyển đổi số trong giáo dục mở thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.* Nguồn: https://ou.edu.vn/tin_tuc/hoi-thao-quoc-gia-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-mo-thuc-day-hoc-tap-suot-doi-va-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap, truy cập ngày 15/12/2025.

[18] Tạp chí Giáo dục (2023). *AI và chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Tầm nhìn và cách tiếp cận tại Việt Nam*. Nguồn: https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88461/225/ai-va-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-tam-nhin-va-cach-tiep-can-cua-mot-truong-dai-hoc-cu-the-tai-viet-nam/, truy cập ngày 15/12/2025.

[19] Trần Mai Ước (2023). *Digital transformation in higher education in Vietnam today.* https://doi.org/10.7769/gesec.v14i8.2699.

[20] UNESCO (2016). *Learning throughout life: Challenges and opportunities.* Paris: UNESCO. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000245625.

[21] UNESCO (2020). *Education in a post-COVID world: Nine ideas for public action*. Paris: UNESCO. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000373717.